

Số: /BC-SNNMT

Tuyên Quang, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết Quy định về trách nhiệm đóng góp kinh phí của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Thực hiện Văn bản số 146/HĐND-KTNS ngày 24/3/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 186/UBND-KTN ngày 10/01/2026 về việc ban hành Nghị quyết quy định về trách nhiệm đóng góp kinh phí của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản và Văn bản số 1942/UBND-KTN ngày 25/3/2026 về việc giao xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số 2997/SNNMT-ĐCKSN ngày 13/5/2026 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định về trách nhiệm đóng góp kinh phí của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 27/5/2026, Sở Tư pháp ban hành Báo cáo số 340/BC-STP về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết nêu trên.

Sau khi nghiên cứu, rà soát các quy định pháp luật có liên quan và tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị quyết

(chi tiết tại biểu giải trình, tiếp thu kèm theo).

Trên đây là nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết Quy định về trách nhiệm đóng góp kinh phí của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng Sở (đăng website Sở);
- Lưu: VT, ĐCKSN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Phương

BẢNG TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 340/BC-STP ngày 27/5/2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Nội dung ý kiến thẩm định	Giải trình, tiếp thu
1	Đối tượng áp dụng (khoản 2 Điều 1 dự thảo): chỉnh sửa “Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có khoáng sản được khai thác” thành “Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có khoáng sản được khai thác” cho thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết. - Điểm c quy định: “c) Các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật (các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản; giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản); Đề nghị bỏ nội dung trong ngoặc đơn, vì không cần thiết	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau: <i>“2. Đối tượng áp dụng</i> <i>b) Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có khoáng sản được khai thác;</i> <i>c) Các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật”;</i>
2	Phần căn cứ pháp lý, đề nghị: - Căn cứ thứ 1 chỉnh sửa số, ký hiệu của văn bản từ “72/2025/HQ15” thành “72/2025/QH15” cho chính xác. - Căn cứ thứ 2, 3 bỏ “ngày, tháng, năm” ban hành của các văn bản và bổ sung các văn bản có liên quan có nội dung sửa đổi, bổ sung các văn bản cho đầy đủ, đồng thời chỉnh sửa các căn cứ pháp lý cho phù hợp với khoản 1 Mục III của mục 1 Phụ lục I2 và Mẫu số 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau: <i>“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;</i> <i>Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15;</i> <i>Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 21/2026/NĐ-CP”;</i>

	bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (gọi tắt là Nghị định số 187/2025/NĐ-CP),	
3	Điều 2 dự thảo: Đề nghị cơ quan soạn thảo: - Bổ cục nội dung thành hai khoản riêng biệt cho khoa học. - Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình làm rõ lý do, cơ sở pháp lý quy định mức đóng góp bằng 1% tại Tờ trình. - Bỏ nội dung “(theo giá tính thuế tài nguyên hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành)” vì không cần thiết, không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết). - Rà soát toàn bộ nội dung quy định tại Điều 2 để quy định cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và tình hình thực tiễn của địa phương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau: * Dự thảo Nghị quyết: “Điều 2. Quy định mức đóng góp <i>Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này có trách nhiệm đóng góp kinh phí theo nguyên tắc như sau:</i> <i>1. Mức kinh phí đóng góp được xác định trên một đơn vị sản phẩm khoáng sản nguyên khai và được xác định theo từng nhóm, loại khoáng sản và bằng 1% giá tính thuế tài nguyên tương ứng với từng nhóm, loại khoáng sản khai thác trên địa bàn tỉnh.</i> <i>2. Số tiền đóng góp được xác định theo năm trên cơ sở mức kinh phí đóng góp và sản lượng dự kiến khai thác”.</i> * Dự thảo Tờ trình bổ sung giải trình làm rõ lý do, cơ sở pháp lý quy định mức đóng góp bằng 1%: “2. Cơ sở thực tiễn <i>Hiện nay trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau sáp nhập) có tổng số 156 Giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực, trong đó Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cấp 21 giấy phép, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp 135 giấy phép.</i> <i>Dự thảo nghị quyết lấy mức kinh phí đóng góp được xác định trên một đơn vị sản phẩm khoáng sản nguyên khai và được xác định theo từng nhóm, loại khoáng sản và bằng</i>

		<i>1% giá tính thuế tài nguyên tương ứng với từng nhóm, loại khoáng sản khai thác trên địa bàn tỉnh bảo đảm không vượt quá khung cho phép của pháp luật hiện hành, đồng thời phù hợp với đặc điểm hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn. Thực tiễn cho thấy khai thác khoáng sản thường phát sinh tác động trực tiếp đến hạ tầng giao thông, cảnh quan và môi trường, ... khu vực lân cận; chi phí để khắc phục, duy tu và xử lý các tác động này thường lớn hơn nhiều so với mức 1%. Do đó, quy định mức đóng góp 1% là phù hợp, hợp lý và còn ở mức thấp, không tạo gánh nặng đáng kể cho tổ chức, cá nhân khai thác nhưng vẫn bảo đảm có nguồn lực để đầu tư, sửa chữa, khắc phục và bảo vệ môi trường tại khu vực bị ảnh hưởng trực tiếp”.</i>
4	Điều 3 dự thảo: - Khoản 1 đề nghị bỏ cụm từ “Chế độ thu, nộp”, - Khoản 2 dự thảo, đề nghị bỏ vì không cần thiết, nội dung đã được quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP. - Tại khoản 34 Điều 5 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP còn giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao cơ quan quản lý thu, sử dụng kinh phí đóng góp phù hợp với địa bàn có khoáng sản được khai thác. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bổ sung quy định về cơ quan quản lý thu, sử dụng kinh phí đóng góp cho đầy đủ, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật. - Rà soát, chỉnh sửa nội dung tên Điều 3 dự thảo cho thống nhất với nội dung của Điều sau khi chỉnh sửa theo theo ý kiến thẩm định nêu trên;	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau: <i>“Điều 3. Chế độ thu, nộp và sử dụng nguồn kinh phí đóng góp</i> <i>1. Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản kê khai và nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có mỏ khoáng sản theo quy định.</i> <i>2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý thu, sử dụng nguồn kinh phí đóng góp để đầu tư các hạng mục công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản”.</i>
5	Phần nơi nhận:	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau:

	- Bổ sung địa chỉ nơi nhận “Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo); Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải)”. - Bỏ gạch đầu dòng thứ 16, 17 (- TT Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh,/- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;), vì trùng nơi nhận; - Sắp xếp thứ tự Nơi nhận theo địa vị pháp lý từ cao xuống thấp.	- Bổ sung địa chỉ nơi nhận “Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo); Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải)”. - Bỏ gạch đầu dòng thứ 16, 17 (- TT Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh,/- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;). - Sắp xếp thứ tự Nơi nhận theo địa vị pháp lý từ cao xuống thấp.
6	Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản: Bỏ dấu gạch ngang bên dưới tên dự thảo Nghị quyết; Điều 2 chỉnh sửa cụm từ “thuế tài nguyên hàng năm” thành “thuế tài nguyên hàng năm”; v.v...	Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, chỉnh sửa như sau: Đã bỏ dấu gạch ngang bên dưới tên dự thảo Nghị quyết; Điều 2 đã bỏ nội dung chứa cụm từ “thuế tài nguyên hàng năm”.